SÂN KHẤU DÙ KÊ Ở VÙNG ĐẤT CẦN THƠ LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN

Đặng Kim Quy[1]

Tóm tắt

Cùng sinh sống xen cài với người Kinh và các tộc người khác, người Khmer ở Cần Thơ hiện nay có 21.414 người, chiếm khoảng 1,8% dân số toàn thành phố. Họ đã và đang sáng tạo, lưu giữ truyền thống văn hóa dân tộc, trong đó có sân khấu Dù kê. Sân khấu Dù kê hình thành, phát triển ở vùng Cờ Đỏ, Ô Môn thuộc thành phố Cần Thơ từ những năm 1960-1990, phục vụ nhu cầu sáng tạo và thưởng thức văn hóa, có vai trò trong đời sống tinh thần của người dân, do người dân tự thành lập, hoạt động vào các dịp lễ hội dân tộc người Khmer và đôi khi tham gia vào lễ hội các dân tộc khác. Thời gian gần đây, các gánh Dù kê ở Cần Thơ ít hoạt động do không người bảo trợ và thiếu lực lượng kế thừa, dù còn lớp nghệ nhân tâm huyết. Nếu có cơ chế, chính sách đặc thù để hỗ trợ hoạt động truyền dạy, đào tạo, di sản sẽ được khôi phục trong đời sống cộng đồng, phục vụ người dân và nhu cầu tham quan, du lịch.

Từ khóa: Dù kê ở Cần Thơ, lịch sử, tiềm năng phát triển

Abstract

Living with the Kinh and other ethnic groups, the number of Khmer people in Can Tho obtains 21.414, accounting for 1.8% population of the whole city. They have been creating and keeping traditional heritages, including Du ke theatre. Du ke theatre forms and develops in Co Do and O Mon of Can Tho City since 1960-1990, serving spiritual life of the residents. This type of art is founded by Khmer people and performed in the events of Khmer festivals and some other ethnic groups'. Recently, Du ke troupe in Can Tho is less active due to the lack of patronage and inheritance, although there still have enthusiastic artists. Thus, a specific policy is needed to support teaching and training towards restoring the cultural heritage in community life and serving residents and visitors.

Key words: Du ke Theatre in Can Tho, history, potentiality, development.

1. Mở đầu

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng đất mới ở Tây Nam Việt Nam, dân cư gồm người Kinh, Hoa, Khmer, Chăm và các dân tộc khác. Các dân tộc ở ĐBSCL vốn là cư dân của những quốc gia riêng biệt, có ngôn ngữ, chữ viết và nền văn hóa lâu đời, đã cùng người Kinh sống chung hòa hợp với nhau trên mảnh đất đồng bằng mà mỗi dân tộc vẫn bảo lưu, phát huy truyền thống văn hóa cộng đồng của mình, tạo cho vùng đất này sự phong phú, đa dạng đồng thời lại rất giàu bản sắc.

Hiện với số dân khoảng 1,2 triệu người, chiếm tỷ lệ khoảng 6% dân số toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long[2], với sắc thái văn hóa độc đáo, đồng bào Khmer Nam Bộ đã góp phần hình thành diện mạo văn hóa đặc sắc nơi đây.

Một trong những biểu hiện của tính độc đáo trong nền văn hóa của người Khme Nam Bộ là đã hình thành và phát triển những sắc thái mang yếu tố bản địa trong văn hóa vật chất và tinh thần. Trên nền tảng văn minh lúa nước và ảnh hưởng Bà la môn giáo lâu đời, những hình thái văn hóa mới được sáng tạo, thể hiện bản sắc và phục vụ nhu cầu cuộc sống trên vùng đất mới. Sân khấu Dù kê là một minh chứng cho điều này. Từ khi ra đời vào những năm 1920 - 1930, Dù kê luôn sống cùng các lễ hội dân tộc tôn giáo của người Khmer, trở thành một món ăn tinh thần được yêu thích của cộng đồng. Sân khấu Dù kê cũng được sự quan tâm nghiên cứu với tư cách như một loại hình nghệ thuật hay một đặc điểm văn hóa dân tộc. Các tác phẩm nghiên cứu về văn hóa Khmer Nam Bộ đều ít nhiều đề cập đến loại hình diễn xướng này.

Tuy nhiên, với ngôn ngữ thể hiện phần lời hát bằng tiếng Khmer - không thông dụng lắm trong

[1] Thạc sĩ Dân tộc học, Giảng viên Khoa Văn hóa, Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật thành phố Cần Thơ.

[2] Tham khảo website: Thông tin nông thôn Việt Nam

cộng đồng dân cư vùng ĐBSCL, đã tạo rào cản trong việc thưởng thức đối với một bộ phận không nhỏ những người dân trong vùng. Mặt khác, bởi mang đậm tính chất dân gian trong phần lớn các công đoạn của loại hình này khi quy trình thực hành còn mang tính ngẫu hứng, chưa thiết lập hệ thống quy định nghiêm cẩn. Vì vậy, sân khấu Dù kê được lưu truyền chủ yếu bằng hình thức truyền nghề, ảnh hưởng đến việc đào tạo lực lượng kế thừa. Vì vậy, để loại hình di sản văn hóa này được bảo tồn và phát huy trong đời sống một cách sinh động, cần có những giải pháp như: xác định chủ trương, ban hành chính sách, xây dựng chương trình hành động phù hợp với thực trạng và tiềm năng phát triển của sân khấu Dù kê ở từng địa phương, đồng thời có sự nhất quán giữa các địa phương trong khu vực.

2. Sân khấu Dù kê - bản sắc độc đáo của văn hóa Khmer Nam Bộ

Theo các nhà nghiên cứu: sân khấu Dù kê là một loại hình sân khấu dân gian mang tính cổ điển, là sáng tạo độc đáo của nền sân khấu Khmer ở ĐBSCL, ra đời khoảng những năm 1920. Nội dung của Dù kê là những sự tích cổ điển từ Bà la môn giáo và được diễn thành tuồng với những nhân vật điển hình như Chằn, thần khỉ, kẻ trung, người nịnh, kẻ ác, người thiện…, hầu hết dân chúng có thể hiểu được nội dung sâu sắc và yêu thích nó. Dù kê là sân khấu mang tiếng nói của âm nhạc, mọi biểu hiện nghệ thuật đều được cách điệu hóa, từ lời nói, bước đi, dáng đứng. Người diễn viên Dù kê phải biết hát, nhạy cảm về âm nhạc, đi đứng và hành động theo tiết điệu của âm nhạc, lời ca của các bài hát là lời thơ, tuỳ làn điệu mà ứng với khổ thơ này hay khổ thơ kia của thi pháp truyền thống. Ở đây, múa truyền thống Khmer vẫn được vận dụng và phát triển theo bản năng và cảm hứng, múa của các vai chính diện có đặc điểm chung: múa mềm, còn động tác của Chằn hết sức sinh động, đặc biệt là nét mặt. Mỗi đoàn Dù kê lớn có ít nhất là sáu mươi tấm phông sơn thủy, trang phục của diễn viên màu sắc sặc sỡ, nhân vật không đeo mặt nạ mà chỉ vẽ mặt[3]

Nền nghệ thuật tạo hình chịu ảnh hưởng chủ yếu văn hóa Ấn Độ, nhưng do tính chất cộng cư dân tộc lâu đời nên văn hóa Khmer ở đây mang nhiều yếu tố hỗn dung - "mở" của ĐBSCL, tạo nên đặc trưng của văn hóa Khmer Nam Bộ. Với sáng tạo Dù kê, nghệ thuật trình diễn sân khấu có nền tảng cổ điển của điệu múa truyền thống cung đình, của lời thơ từ làn điệu thi pháp truyền thống được cách điệu, vận dụng từ bản năng và cảm hứng của người trình diễn khiến Dù kê thấm đẫm tính chất hồn nhiên, ngẫu hứng, độc đáo của văn hóa dân gian, khiến môn "kịch hát vùng Bát sắc" này được người dân Khmer khắp mọi nơi yêu thích.

Dù kê cũng chính là biểu hiện sinh động nhất của sự giao lưu, tiếp biến văn hóa Khmer trên vùng đất ĐBSCL. Các giả thiết về sự ra đời của sân khấu Dù kê có khác nhau về người sáng lập nhưng đều thống nhất về xuất phát điểm từ hình thức nghệ thuật *hát Quảng* của người Hoa nhóm Quảng Đông. Tuy nhiên, khi Dù kê ngày càng phát triển, người ta lại tìm thấy sự tương đồng với sân khấu của người Việt Nam Bộ, nên còn được gọi là "Cải lương Khmer". Nội dung của các vở Dù kê, ngoài những sự tích cổ điển từ Bà la môn giáo, còn là các tuồng tích Trung Hoa hay Việt Nam. Vì vậy, mặc dù sử dụng ngôn ngữ thể hiện bằng tiếng Khmer, các vở diễn vẫn được cộng đồng các dân tộc Kinh, Hoa ở ĐBSCL đón nhận, thưởng thức. Theo nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Trương Ngọc Tường: lễ hội ở đình Bình Thủy, Cần Thơ, một trong những lễ hội truyền thống quy mô trong vùng, từng sử dụng hình thức sân khấu Dù kê trong hát cúng đình cho bà con các dân tộc cùng thưởng lãm.

3. Sự hình thành và phát triển của sân khấu Dù kê trên vùng đất Cần Thơ

Với vị trí nằm giữa vùng đồng bằng châu thổ Cửu Long, thành phố Cần Thơ được xây dựng thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa qua các thời kỳ hình thành và phát triển của khu vực ĐBSCL. Thành phố Cần Thơ hiện nay có diện tích tự nhiên 1.389,6 km^2, dân số 1.188.435 người, gồm các dân tộc Kinh, Khmer, Hoa, Chăm. Trong đó, đồng bào Khmer chiếm 1,8%

[3] *Văn hóa và cư dân ĐBSCL (trích phần giới thiệu về văn hóa Khmer*). 1990. NXB KHXH.

với 21.414 người[4]. Người Khmer Cần Thơ sống xen kẽ với người Kinh, người Hoa ở hầu khắp các quận huyện nhưng nhiều nhất ở các địa bàn: Cờ Đỏ, Ô Môn, Thới Lai, Ninh Kiều. Là bộ phận dân tộc chiếm tỷ lệ không nhiều tại Cần Thơ, người Khmer đã và đang sáng tạo, lưu giữ truyền thống văn hóa dân tộc.

Mặc dù hiện nay Cần Thơ không có đoàn nghệ thuật Dù kê hoạt động như các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu,… nhưng theo những người am hiểu sân khấu Dù kê ở Cần Thơ: loại hình nghệ thuật này đã được hình thành và phát triển ở Cần Thơ trước đây, có vai trò trong đời sống tinh thần của cộng đồng, đóng góp vào sự phong phú, đa dạng, giàu bản sắc của văn hóa các dân tộc. Sự hình thành ở đây có tính chất tự phát, nhờ vào lòng đam mê của những cá nhân trong cộng đồng, đã động viên và nuôi dưỡng hoạt động nghệ thuật này. Sân khấu Dù kê ở Cần Thơ trước đây phát triển mạnh nhất ở vùng Cờ Đỏ, Ô Môn, đã thành lập các "gánh hát Dù kê" để phục vụ nhu cầu thưởng thức văn hóa trong cộng đồng.

Gánh Dù kê ở Cờ Đỏ do ông Lâm Tồn, sinh năm 1933 ở ấp Thới Hòa B, thị trấn Cờ Đỏ thành lập từ những năm 1960. Là một người yêu thích nghệ thuật Dù kê, ông Lâm Tồn không những mua sắm nhạc cụ: khưm, trồ u, trồ lia, trống, may phục trang, vẽ phông màn, cảnh trí mà còn xuất gạo, tiền nuôi diễn viên trong nhà để tập luyện vở diễn. Ông cho biết: gánh Dù kê của mình đã nhiều lần biểu diễn phục vụ đồng bào ở các vùng giải phóng của tỉnh Cần Thơ thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhóm nghệ thuật này tiếp tục hoạt động phục vụ nhu cầu của bà con ở vùng sâu các tỉnh: Cần Thơ, Kiên Giang. Ông Lâm Tồn còn là người sưu tầm, biên soạn các vở diễn cho gánh Dù kê này biểu diễn, như các vở ***"Cây đắng mà sanh trái ngọt"***, ***"Brum quon Quo quon"***. Ông chỉ đạo người may trang phục, vẽ phông màn cho sân khấu Dù kê. Nhờ lòng đam mê của ông, đời sống văn hóa tinh thần của người dân vùng nông thôn sâu này ở Cần Thơ thêm phong phú. Ông Lâm Tồn là người có uy tín được cộng đồng thừa nhận. Gần đây, do tuổi già, lại bị bệnh không tự vận động được, gánh Dù kê của ông hầu như tan rã.

Nhóm Dù kê ở thị trấn Ô Môn được thành lập từ những năm 1975 trở đi. Theo lời ông Lý Suông, khu vực 13, phường Châu Văn Liêm, nghệ nhân chơi được hầu hết các điệu nhạc từ nhạc cụ Dù kê: Ông học các giai điệu Dù kê như Săm phôn On, Săm phon T'hu từ nghệ nhân Ba Mù ở Sóc Trăng. Nhóm Dù kê ở Ô Môn do người dân tự thành lập sau ngày giải phóng. Thời kỳ này dù có khó khăn nhưng hoạt động của nhóm được bà con rất hưởng ứng, gồm những người yêu thích tập hợp để hoạt động, phục vụ vào các dịp lễ hội Chol Chnam Thmay, Ok om bok của địa phương. Lúc ấy chùa dựng một sân khấu trong khuôn viên làm địa điểm cho nhóm biểu diễn. Diễn phục vụ nhu cầu thưởng thức cho bà con, không thu tiền, ai có lòng thưởng thì nhận để trang trải chi phí. Các diễn viên, nhạc công tự tập hợp, phân vai, hóa trang, góp ý cho nhau về cách thể hiện vai diễn, bài bản đàn, hát. Ông Lý Suông là người biết chữ nên chép lại những điển tích từ Satra lưu giữ ở chùa Sanvor làm tuồng tích, gợi ý các điệu hát cho diễn viên. Khi diễn, có người cầm bản tuồng đứng trong phông màn để nhắc cho diễn viên về đường dây của vở. Ông cũng mua sắm các nhạc cụ để truyền nghề lại cho một số người trong vùng đào tạo lực lượng nhạc công cho các đêm diễn. Các tuồng Dù kê thường có độ dài tùy thuộc vào tài hát cương của diễn viên nên kéo dài vài ba đêm theo thời gian của lễ hội. Diễn viên diễn từ tối đến sáng sớm hôm sau thì tạm ngưng, đêm sau lại diễn nối tiếp. Khán giả đi xem không chỉ đứng hay ngồi mà còn mang theo chiếu trải ở sân chùa để cả nhà cùng ngồi xem, ai mệt thì có thể ngủ một giấc rồi lại thức dậy xem tiếp. Diễn viên khi diễn cũng hát đi lại vài ba lần và tuồng tích lại quen thuộc nên dù có gián đoạn, khán giả vẫn hiểu được mạch tuồng đã tới đâu. Nhóm hình thành một thời gian, được khán giả trung niên rất ưa chuộng, nhưng đến cuối thập niên 1980 thì tự tan rã do lúc bấy giờ đời sống bà con khá giả, mua sắm đầu đĩa, tivi xem được nhiều đài, nhiều tuồng hay trên sân khấu chuyên nghiệp nên khán giả đến xem diễn ở chùa ngày càng thưa dần.

[4] Bản thống kê *Dân số TP. Cần Thơ chia theo dân tộc, giới tính*, (Số liệu của Ban Dân tộc TP.Cần Thơ, tháng 12/2013)

Năm 2006, với tiêu chí hỗ trợ việc bảo tồn các di sản nghệ thuật văn hóa phi vật thể có nguy cơ bị mai một, qua khảo sát thực tế các loại hình hoạt động nghệ thuật văn hóa dân gian trong các quận huyện thuộc thành phố Cần Thơ, được sự tài trợ của Quỹ Hỗ trợ Bảo tồn Nghệ thuật Văn hóa Dân gian, thuộc Trung tâm Trao đổi Giáo dục với Việt Nam, Bảo tàng Cần Thơ đã khảo sát, chọn lựa, xây dựng dự án ***"Khôi phục và Truyền dạy hát múa Dù kê trong cộng đồng người Khmer ở huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ"***. Trong khuôn khổ dự án, năm nghệ nhân tuyển chọn, truyền dạy nghệ thuật diễn xướng Dù kê cho gần 30 thanh thiếu niên dân tộc Khmer, con em Phật tử chùa Set Tô Đo ở thị trấn Cờ Đỏ. Sau gần 4 tháng luyện tập, các học viên đã trình diễn vở tuồng *Cây đắng sanh trái ngọt* nhân Lễ cúng trăng tại Chùa Set Tô Đo (thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ). Buổi công diễn được sự hưởng ứng của hàng ngàn bà con người Khmer trong vùng và từ các địa phương lân cận như: Vĩnh Thạnh (Cần Thơ), Giồng Riềng (Kiên Giang).

4. Những giải pháp phổ biến, phát huy sân khấu Dù kê

Tuy nhiên, nỗ lực phát huy nguồn lực xã hội cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc như trên vẫn không mang lại hiệu quả lâu dài. Năm 2012, qua liên lạc với ông Lâm Tồn để thực hiện thủ tục đề nghị tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp văn hóa", được biết rằng: sân khấu Dù kê ở Cờ Đỏ duy trì được đến năm 2011 lại bị đứt quãng. Không chỉ vì ông Lâm Tồn, bầu gánh không còn khỏe mà còn vì lớp trẻ - dù được truyền dạy rồi - không tiếp nối được. Các em lớn lên, có trường hợp chuyển dời nơi sinh sống nhưng có trường hợp vì mưu sinh mà không còn tham gia nữa. Cờ Đỏ lại không có mạnh thường quân nào đam mê Dù kê như ông Lâm Tồn để làm hạt nhân tập hợp, quy tụ diễn viên, nhạc công.

Ở Ô Môn, các Hòa thượng trụ trì chùa Pô thi Sôm rôn và Sanvor, các nghệ nhân đàn anh như ông Lý Suông cũng đau đáu mong ước về một đoàn Dù kê tại địa phương nhưng đành bất lực vì lớp thanh thiếu niên ngày nay không biết gì về Dù kê, không yêu thích nên không thể kế thừa.

Cũng cần phải thấy rằng: trong thời kỳ hội nhập, việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là rất cần thiết, nhưng đối với các di sản văn hóa phi vật thể cần giữ gìn trong trạng thái "động", giữ cho di sản tiếp tục sống, lưu truyền qua các thế hệ mới là cách giữ gìn tốt nhất. Vậy nên, nếu không có một cá nhân mạnh thường quân thì chính quyền và những nhà quản lý phải đóng vai trò tập hợp, quy tụ. Cùng với việc quy tụ, tập hợp cũng cần có cơ chế đặc thù làm đòn bẩy cho bước đầu hoạt động trở lại của loại hình Dù kê. Sân khấu Dù kê có hoạt động được mới có thể thu hút lực lượng đam mê, có năng khiếu, tài năng tham gia để rồi từ đó lại tạo nên sự thu hút trở lại của sân khấu với người xem làm nên vòng tuần hoàn của sự phát triển.

Trong danh sách di sản văn hóa phi vật thể dự kiến lập hồ sơ khoa học giai đoạn 2012 - 2016 trình UNESCO đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, đề xuất có loại hình nghệ thuật Dù kê của người Khmer Nam Bộ. Thông tin này đã làm dấy lên những hy vọng về tương lai phát triển của loại hình sinh hoạt văn hóa độc đáo này.

5. Kết luận

Để đáp ứng tiêu chí có khả năng phục hồi và tồn tại lâu dài của những di sản văn hóa phi vật thể được xem xét đưa vào Danh mục di sản tiêu biểu của nhân loại, cần có những tác động để Dù kê chuyển mình vươn lên thành một bộ môn nghệ thuật độc đáo của dân tộc. Đây là một thách thức lớn, song cũng mang tính tất yếu của sự phát triển. Muốn như vậy, cần tăng cường nghiên cứu, xây dựng hệ thống lý luận về loại hình nghệ thuật này làm nền tảng, cơ sở cho công tác đào tạo nguồn nhân lực, trước tiên ở trình độ trung cấp, xây dựng lực lượng diễn viên, nhạc công, qua đó lựa chọn nhân tố có tiềm năng phát triển thành lực lượng giáo viên, giảng viên. Với khung ngành kịch hát dân tộc đã có, công việc này không phải là quá khó, điều cần thiết phải chăng chính là có được chủ trương và sự tập hợp, liên kết của các địa phương có đồng bào Khmer Nam Bộ sinh sống. Qua Hội thảo lần này, người ta có thể thấy được quyết tâm

của Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ trong hành trình tìm tòi phương thức bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ và tin tưởng với sự nhiệt tình đóng góp ý kiến từ các nhà nghiên cứu, hoạt động nghệ thuật sẽ có được giải pháp hiệu quả nhất.

Tài liệu tham khảo

Ban Dân tộc thành phố Cần Thơ. *Dân số thành phố Cần Thơ chia theo dân tộc, giới tính*. Xem <cantho.gov.vn>

Bảo tàng thành phố Cần Thơ. 2006. *Báo cáo tổng hợp*. Hồ sơ dự án Khôi phục và truyền dạy nghệ thuật hát múa Dù kê trong cộng đồng người Khmer. ấp Thới Hòa B, thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Nguyễn Công Bình, Mạc Đường, Lê Xuân Diệm. 1990. *Văn hóa và cư dân ĐBSCL*. NXB Khoa học Xã hội.

Trương Ngọc Tường. 2005. *Lễ hội Kỳ yên Thượng điền đình Bình Thủy*. Chương trình mục tiêu quốc gia nghiên cứu bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể năm 2005. Bảo tàng thành phố Cần Thơ.

Thông tin nông thôn Việt Nam. *Thông tin về dân cư và văn hóa vùng miền vùng*. Xem <*ĐBSCL*.http://ptit.edu.vn/wps/portal/nongthonvn/!ut/p/c4/04_SB8K8xLLM9MSSzPy8xBz9CP0os3hLizBHd1cfIwN_MyM3A08vc2cXVx83Y49AY_2CbEdFAO8ydjg!/?WCM_GLOBAL_CONTEXT=/wps/wcm/connect/nongthonvn/nongthonvn/vungnongthon/dong>